

Số: 2831770

|                                                | New Mazda CX-8 2.5 Luxury                      | Kia K5 2.5 GT Line                     |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>949.000.000đ</b>                            | <b>957.000.000đ</b>                    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                                |                                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4900 x 1840 x 1730                             | 4905 x 1860 x 1465                     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2930                                           | 2850                                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5800                                           | 5490                                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                            | 135                                    |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1770                                           | 1510                                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2365                                           | 1960                                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 209                                            | 510                                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 72                                             | 60                                     |
| Số chỗ ngồi                                    | 7                                              | 5                                      |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                               | SX-LR trong nước                       |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                                |                                        |
| Loại động cơ                                   | SkyActiv-G 2.5L                                | Smartstream 2.5 GDI                    |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                           | 2497                                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                     | 191 / 6100                             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                     | 246 / 4000                             |
| Hộp số                                         | 6AT                                            | 8AT                                    |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                | Cầu trước (FWD)                        |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                             | McPherson                              |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                               | Liên kết đa điểm                       |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                            | Đĩa                                    |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                            | Đĩa                                    |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                     | 235/45 R18                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 12.91                                          | 9.76                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.73                                           | 5.47                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.75                                           | 7.05                                   |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                              |                                        |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                 | Normal / Comfort / Eco / Sport / Smart |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) |                                        |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                                |                                        |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                                  | LED                                    |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                              | ●                                      |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                              |                                        |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      |                                        |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                              | ●                                      |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                            | LED                                    |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ● (Sấy gương)                                  | ●                                      |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                              | ●                                      |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                              | ●                                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                                |                                        |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                                              | ●                                      |

| Chất liệu ghế                        | Da Nappa Nâu Đỏ            | Da             |
|--------------------------------------|----------------------------|----------------|
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                          | ●              |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | ●                          | ●              |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                          |                |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi     | ● (Vô lăng + Hàng ghế sau) | ●              |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                          | ●              |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog & Digital 7"        | Full LCD 12.3" |
| Màn hình HUD                         | ●                          | ●              |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 8"                         | AVN 10.25      |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ● (Không dây)              | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                          | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 3                          | 2              |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                          | ●              |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                          | ●              |
| Khởi động nút bấm                    | ●                          | ●              |
| Hệ thống âm thanh                    | 10 loa Bose                | 12 loa Bose    |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●                          | ●              |
| Giữ phanh tự động Autohold           | ●                          | ●              |
| Rèm che nắng                         | Chỉnh tay                  | ●              |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                          |                |

#### AN TOÀN:

|                                                 |           |               |
|-------------------------------------------------|-----------|---------------|
| Số túi khí                                      | 6         | 6             |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●         | ●             |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●         | ●             |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●         | ●             |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●         |               |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●         | ●             |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●         |               |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●         | ●             |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●         | ●             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●         |               |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước/Sau | Trước & sau   |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●         | ●             |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●         |               |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●         | ●             |
| Camera lùi                                      | ●         | ●(Camera 360) |